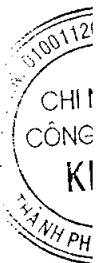




**Tổng Công ty Phát điện 3 –
Công ty Cổ phần và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

Giấy chứng nhận
Đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019.

Hội Đồng Quản Trị	Ông Nguyễn Văn Lê Ông Đinh Quốc Lâm Ông Trương Quốc Phúc Ông Đỗ Mộng Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm Ông Phan Thanh Xuân Ông Lê Văn Danh Ông Cao Minh Trung Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
--------------------------	--	--

Trụ sở đăng ký Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

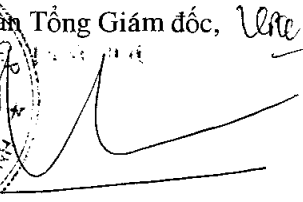
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ những lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii), 3(b)(iii) và 3(b)(iv) trong báo cáo tài chính hợp nhất.

- Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

- Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc “Chi phí tài chính”.

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 55. Thông tin bổ sung tại trang 56 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Được cấp kiểm toán số: 18-01-00897-19-2



Nelson Rodriguez Casihan

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.376.946.046.690	19.940.350.776.436
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705
Tiền	111		1.416.502.081.429	3.398.193.986.089
Các khoản tương đương tiền	112		1.075.900.000.000	1.116.083.835.616
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.953.820.000.000	1.413.320.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	3.953.820.000.000	1.413.320.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.959.930.572.719	10.812.780.634.721
Phải thu của khách hàng	131	7	8.411.364.732.038	10.181.518.501.085
Trả trước cho người bán	132		128.818.263.821	271.594.230.347
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	420.599.418.013	360.029.101.888
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(851.841.153)	(361.198.599)
Hàng tồn kho	140	9	2.903.548.394.905	3.107.966.406.794
Hàng tồn kho	141		2.903.834.001.848	3.108.091.128.345
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(285.606.943)	(124.721.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		67.244.997.637	92.005.913.216
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.402.999.301	51.830.243.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.581.406.696	37.178.865.317
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	2.260.591.640	2.996.804.256

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		59.069.268.847.647	59.631.915.688.928
Phải thu dài hạn	210		3.549.424.000	3.266.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.549.424.000	3.266.424.000
Tài sản cố định	220		53.856.992.760.491	54.846.391.283.555
Tài sản cố định hữu hình	221	10	53.769.066.685.575	54.775.880.233.262
Nguyên giá	222		109.876.984.867.644	109.802.297.628.223
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.107.918.182.069)	(55.026.417.394.961)
Tài sản cố định vô hình	227	11	87.926.074.916	70.511.050.293
Nguyên giá	228		109.661.849.291	91.291.905.985
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.735.774.375)	(20.780.855.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.670.721.176.014	2.487.272.804.641
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.908.187.930.769	1.920.296.631.638
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	536.837.181.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.001.695.060)	(3.483.263.880)
Tài sản dài hạn khác	260		629.817.556.373	374.688.545.094
Chi phí trả trước dài hạn	261		120.706.619.611	125.781.428.946
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.606.710.591	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		482.504.226.171	248.907.116.148
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.446.214.894.337	79.572.266.465.364

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		67.353.569.009.650	69.766.387.795.991
Nợ ngắn hạn	310		11.303.469.857.347	14.472.033.007.045
Phải trả người bán	311	13	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	915.000.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	328.547.327.437	151.253.443.821
Phải trả người lao động	314		102.294.632.728	135.135.259.912
Chi phí phải trả	315		52.102.756.457	201.614.469.108
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.944.744.132	15.952.466.021
Phải trả khác	319	15	1.077.798.480.696	3.309.049.365.611
Vay ngắn hạn	320	16(a)	5.473.408.154.411	5.426.787.609.848
Dự phòng ngắn hạn	321		133.033.552.953	98.377.185.447
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		255.427.404.379	267.256.108.963
Nợ dài hạn	330		56.050.099.152.303	55.294.354.788.946
Doanh thu chưa thực hiện	336		378.955.365.915	382.744.919.575
Vay dài hạn	338	16(b)	55.671.143.786.388	54.911.609.869.371
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.092.645.884.687	9.805.878.669.373
Vốn chủ sở hữu	410	17	10.092.645.884.687	9.805.878.669.373
Vốn cổ phần	411	18	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		18.876.854.562	18.387.593.875
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(1.098.488.973.504)	(2.378.304.250.451)
Quỹ đầu tư phát triển	418		134.210.488.996	362.518.284.511
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.939.926.044	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.046.414.799)	853.491.634.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		853.491.634.889	806.913.104.550
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(873.538.049.688)	46.578.530.339
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	110.593.427.602
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		336.443.315.443	339.002.490.764
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77.446.214.894.337	79.572.266.465.364

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

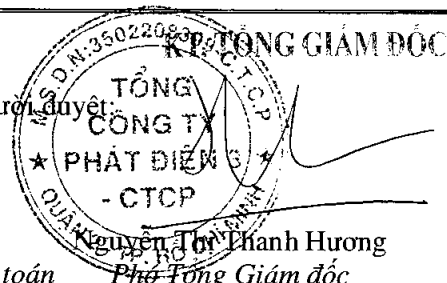


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	10.047.930.226.021	29.290.517.937.087
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	8.809.853.242.137	25.595.196.345.512
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.238.076.983.884	3.695.321.591.575
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	83.785.001.348	162.750.057.796
Chi phí tài chính	22	25	1.949.906.094.139	3.407.794.806.802
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		699.539.293.509	2.034.789.676.172
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	26.984.730.311	171.991.642.283
Chi phí bán hàng	25		31.684.721	101.858.195
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	139.156.246.216	349.362.542.049
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(740.247.309.533)	272.804.084.608
Thu nhập khác	31		38.592.912.146	167.327.810.643
Chi phí khác	32		34.355.305.077	121.032.826.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.237.607.069	46.294.983.672
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(736.009.702.464)	319.099.068.280
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	144.128.554.766	17.118.748.352
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(26.606.710.591)	13.879.964.174
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(853.531.546.639)	288.100.355.754

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Giai đoạn	Giai đoạn
	số	minh	từ 1/10/2018	từ 1/1/2018
			đến 31/12/2018	đến 30/9/2018
			VND	VND
				(Phân loại lại)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang	60		(853.531.546.639)	288.100.355.754
trước)				
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(873.538.049.688)	268.052.205.804
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông	62		20.006.503.049	20.048.149.950
không kiểm soát				
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(816)	Không áp dụng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

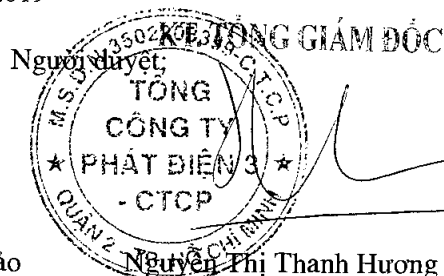


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(736.009.702.464)	319.099.068.280
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.158.307.954.529	3.356.698.313.593
Các khoản dự phòng	03		45.826.326.632	24.552.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.227.158.793.591	1.342.614.232.180
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(69.023.454.275)	(162.285.480.302)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(26.984.730.311)	(171.991.642.283)
Chi phí lãi vay	06		699.539.293.509	2.034.789.676.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.298.814.481.211	6.718.948.720.637
Biến động các khoản phải thu	09		(1.424.275.378.073)	(4.944.752.098.861)
Biến động hàng tồn kho	10		(36.202.068.359)	(88.135.008.047)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		518.838.852.296	(697.192.696.714)
Biến động chi phí trả trước	12		24.502.053.677	(37.798.984.291)
			1.381.677.940.752	951.069.932.724
Tiền lãi vay đã trả	14		(128.158.988.948)	(350.920.496.929)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.266.543.316)	(116.361.233.485)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.828.704.584)	(198.731.283.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.231.423.703.904	285.056.918.554

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.809.671.206.244)	(681.451.327.760)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	210.454.546
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(3.921.820.000.000)	(1.413.320.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		1.381.320.000.000	1.752.000.000.000
Chuyển công ty con về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26		-	(35.558.568.910)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.821.694.465	276.432.690.392
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(4.287.349.511.779)	(101.686.751.732)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32		(221.350.148.719)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.586.899.285.954	280.143.160.920
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(305.856.073.050)	(822.669.910.851)
Tiền trả cổ tức	36		(25.638.647.529)	(16.068.819.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		1.034.054.416.656	(558.595.569.259)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.021.871.391.219)	(375.225.402.437)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.514.277.821.705	4.889.503.224.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.349.057)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

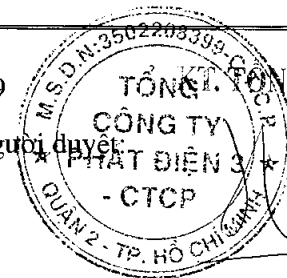


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019. Theo đó, ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/10/2018: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2018	1/10/2018
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 3.439 nhân viên (1/10/2018: 3.372 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán năm tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CDKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 5246/EVN-TCKT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính cho năm 2018 (“Công văn 5246”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 121.939.976.041 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 492.968.936.511 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.098.488.973.504 VND (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 605.520.036.993 VND).

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không thay đổi (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt giảm và tăng 979.679.014.804 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 371.028.960.470 VND).

(iv) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt giảm và tăng 1.401.755.252.988 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.401.755.252.988 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018: tăng và giảm 1.401.755.252.988 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong năm Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 9 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tiền mặt	2.912.617.687	3.419.926.822
Tiền gửi ngân hàng	1.413.589.463.742	3.394.774.059.267
Các khoản tương đương tiền	1.075.900.000.000	1.116.083.835.616
	2.492.402.081.429	4.514.277.821.705

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,7% - 5,5% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: 4,0% - 5,4% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	200.000.000.000	200.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	3.753.820.000.000	1.213.320.000.000
	3.953.820.000.000	1.413.320.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 13 tháng với lãi suất được hưởng là 4,8% - 7,2% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: 4,8% - 7,2% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.386.942.714.130	1.341.623.914.594
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	26.984.730.311	171.991.642.283
Chia cổ tức	(28.575.000.000)	(125.581.948.000)
Chuyển giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(1.090.894.747)
	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
Số dư cuối kỳ	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018				1/10/2018			
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(i) 30,00%	279.877.226.103	476.250.000.000	-	30,00%	292.543.554.840	466.725.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(ii) 30,55%	928.345.577.277	1.055.533.879.000	-	30,55%	919.964.444.421	1.109.098.284.800	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(iii) 30,00%	177.129.641.061	(*)	-	30,00%	174.434.714.869	(*)	-
		1.385.352.444.441				1.386.942.714.130		

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tổng tài sản	9.913.782.260.407	9.659.291.024.750
Tổng công nợ	5.480.917.796.001	5.216.546.471.960
Tài sản thuần	4.432.864.464.406	4.442.744.552.790
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Doanh thu	264.870.199.092	1.072.609.347.269
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	89.446.141.616	568.194.635.486
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	26.984.730.311	171.991.642.283

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	3.483.263.880	29.914.646.400
Tăng/(hoàn nhập)	10.518.431.180	(26.431.382.520)
Số dư cuối kỳ	14.001.695.060	3.483.263.880

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2018			1/10/2018				
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (iv)	2,50%	83.022.592.000	175.199.232.000	-	2,50%	83.022.592.000	187.662.592.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,80%	114.770.927.800	109.899.232.740	4.871.695.060	1,80%	114.770.927.800	113.417.663.920	1.353.263.880
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,60%	108.730.000.000	99.600.000.000	9.130.000.000	1,60%	108.730.000.000	106.600.000.000	2.130.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,10%	50.000.000.000	(*)	-	12,10%	50.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
		536.837.181.388		14.001.695.060		536.837.181.388	(*)	3.483.263.880

(iv) Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, công ty niêm yết, tại thời điểm 30/9/2018 được thực hiện theo hướng dẫn về xử lý tài chính quy định tại mục d, khoản 2, Điều 21 và khoản 2, Điều 32, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính Phủ. Theo đó, Tổng Công ty được ghi nhận thêm phần cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu theo giá tham chiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	1/10/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	8.304.276.576.025	10.059.088.650.826
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	35.093.793.900	96.224.131.300
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	54.824.844.800	13.705.661.200
Các bên liên quan khác	82.140.145	833.772.937
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	17.087.377.168	11.666.284.822
	8.411.364.732.038	10.181.518.501.085

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/10/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.256.171.287	7.211.873.623
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng	253.952.245.056	218.741.729.220
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.307.578.223	-
Cổ tức được chia	52.984.728.000	27.000.000.000
Lãi tiền gửi từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.780.082.191	5.395.890.411
Bên liên quan khác	7.468.387.981	-
Bên thứ ba		
Lãi tiền gửi phải thu	43.084.935.241	35.479.345.211
Phải thu khác	34.765.290.034	66.200.263.423
	420.599.418.013	360.029.101.888

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.289.837.243	-	11.731.955.901	-
Nguyên vật liệu	2.813.283.077.995	(285.606.943)	3.005.434.447.525	(124.721.551)
Công cụ và dụng cụ	83.063.188.397	-	74.745.868.685	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.565.535.210	-	15.510.725.998	-
Thành phẩm	632.363.003	-	668.130.236	-
	2.903.834.001.848	(285.606.943)	3.108.091.128.345	(124.721.551)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có biến động trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	124.721.551	936.690.056
Tăng dự phòng trong kỳ	160.885.392	51.574.662
Hoàn nhập	-	(863.543.167)
Số dư cuối kỳ	285.606.943	124.721.551

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	18.458.657.440.224	84.619.971.093.024	6.574.214.489.421	149.261.741.918	192.863.636	109.802.297.628.223
Tăng trong kỳ	6.011.473.763	9.610.604.717	3.406.794.545	2.880.784.671	860.154.790	22.769.812.486
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	10.053.903.194	117.308.656.749	498.150.800	-	-	127.860.710.743
Xóa sổ	-	(75.852.248.738)	-	-	-	(75.852.248.738)
Giảm khác	-	(3.017.200)	(88.017.870)	-	-	(91.035.070)
Số dư cuối kỳ	18.474.722.817.181	84.671.035.088.552	6.578.031.416.896	152.142.526.589	1.053.018.426	109.876.984.867.644
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.983.366.875.407	46.043.127.978.340	2.890.367.958.483	109.394.898.004	159.684.727	55.026.417.394.961
Khấu hao trong kỳ	158.683.286.523	918.850.184.778	75.253.361.560	3.711.173.417	855.029.568	1.157.353.035.846
Xóa sổ	-	(75.852.248.738)	-	-	-	(75.852.248.738)
Số dư cuối kỳ	6.142.050.161.930	46.886.125.914.380	2.965.621.320.043	113.106.071.421	1.014.714.295	56.107.918.182.069
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	12.475.290.564.817	38.576.843.114.684	3.683.846.530.938	39.866.843.914	33.178.909	54.775.880.233.262
Số dư cuối kỳ	12.332.672.655.251	37.784.909.174.172	3.612.410.096.853	39.036.455.168	38.304.131	53.769.066.685.575

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 32.628 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 29.282 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.857 tỷ VND (1/10/2018: 1.887 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 16(b)(*)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyên giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	73.613.400.322	13.461.469.427	4.025.390.148	191.646.088	91.291.905.985
Tăng trong kỳ	-	2.718.279.231	-	13.099.234.733	15.817.513.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	2.552.429.342	-	-	-	2.552.429.342
	76.165.829.664	16.179.748.658	4.025.390.148	13.290.880.821	109.661.849.291
Khấu hao trong kỳ					
Số dư đầu kỳ	11.900.907.211	5.086.617.046	3.789.362.850	3.968.585	20.780.855.692
Khấu hao trong kỳ	579.324.074	321.860.032	21.208.251	32.526.326	954.918.683
Số dư cuối kỳ	12.480.231.285	5.408.477.078	3.810.571.101	36.494.911	21.735.774.375
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	61.712.493.111	8.374.852.381	236.027.298	187.677.503	70.511.050.293
Số dư cuối kỳ	63.685.598.379	10.771.271.580	214.819.047	13.254.385.910	87.926.074.916

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8 tỷ VND (1/10/2018: 8 tỷ VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 8 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	2.487.272.804.641	3.788.284.168.769
Tăng trong kỳ	339.909.929.374	343.862.237.668
Chi phí lãi vay vốn hóa	6.056.765.400	15.396.266.976
Chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	(335.748.162)	(225.438.924.313)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 10)	(127.860.710.743)	(205.211.721.160)
Giảm do quyết toán	-	(1.052.102.661.356)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (thuyết minh 11)	(127.860.710.743)	(6.149.923.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(101.226.716.090)
Giảm khác	(31.769.435.154)	(70.139.922.853)
Số dư cuối kỳ	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.221.295.137.450	1.221.947.927.450
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	148.924.891.353	162.729.518.607
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	676.106.948.237	660.160.223.232
Cảng than Vĩnh Tân	383.746.615.607	334.257.403.904
Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa	132.043.939.157	64.771.181.148
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	8.066.079.120	-
Khác	100.537.565.090	43.406.550.300
Số dư cuối kỳ	2.670.721.176.014	2.487.272.804.641

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2018	1/10/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.311.294.219	42.071.791.336
Các bên liên quan khác	17.075.702.451	9.538.028.849
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.549.808.266.172	2.295.234.627.479
Công ty Shanghai Electric Group	8.313.030.000	1.486.382.804.864
Các nhà cung cấp khác	1.288.300.875.312	1.032.464.845.786
	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314
Số có khả năng trả nợ	3.864.809.168.154	4.865.692.098.314

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	37.785.261.139	256.365.591.913	(201.102.455.755)	-	93.048.397.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.836.312.184	144.128.554.766	(10.266.543.316)	(1.923.568.788)	135.774.754.846
Thuế nhà thầu	5.505.165.553	11.982.693.090	(7.613.780.741)	-	9.874.077.902
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.085.955.017	(5.085.955.017)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.356.164.623	9.881.483.161	(8.783.341.562)	1.313.667.783	5.767.974.005
Thuế tài nguyên	39.575.736.307	117.645.585.068	(116.231.290.167)	(69.848.535)	40.920.182.673
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.192.477.353	750.140.802	(14.942.667.780)	49.625	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	47.002.326.662	37.987.984.327	(41.771.857.574)	(56.512.701)	43.161.940.714
Các loại thuế khác	-	7.324.290.979	(7.324.290.979)	-	-
	151.253.443.821	591.152.279.123	(413.122.182.891)	(736.212.616)	328.547.327.437

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.923.568.788	-	-	(1.923.568.788)	-
Thuế thu nhập cá nhân	937.284.340	-	-	1.313.667.783	2.250.952.123
Thuế tài nguyên	79.438.427	-	-	(69.848.535)	9.589.892
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	49.625	49.625
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	56.512.701	1.347.141.983	(1.347.141.983)	(56.512.701)	-
	2.996.804.256	1.347.141.983	(1.347.141.983)	(736.212.616)	2.260.591.640

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	-	2.275.532.138.470
Lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu phải trả	779.189.436.755	519.881.469.214
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	156.962.849.626	146.215.216.225
Phải trả từ bán cổ phần	152.499.616	98.349.816.694
Chi phí chuyên gia	14.680.695.065	66.789.916.722
Phải trả khác	126.812.999.634	127.835.909.460
	1.077.798.480.696	3.309.049.365.611

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan là:

	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	779.932.815.962	2.869.858.506.510
Các bên liên quan khác	116.070.726.297	44.304.863.693
	896.003.542.259	2.914.163.370.203

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/10/2018 VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	5.426.787.609.848	679.321.001.003	(624.901.477.246)	(7.798.979.194)	5.473.408.154.411
Số có khả năng trả nợ	5.426.787.609.848				5.473.408.154.411

(b) Vay dài hạn

	1/10/2018 VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn	54.911.609.869.371	1.586.899.285.954	(679.321.001.003)	(148.044.367.934)	55.671.143.786.388

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	103.604.510.566	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	1.974.000.000.000	2.068.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.516.694.935.392	1.572.868.821.888
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	250.000.000.000	260.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	70.905.118.612	78.777.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	92.068.364.311	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	110.684.549.761	221.369.062.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	258.153.558.834	233.945.112.081
			4.376.111.037.476	4.630.632.990.219

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	444.445.836.309	454.606.455.267
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.206.808.016.325	19.554.327.054.073
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	8.999.713.746.007	9.048.109.711.516
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.275.936.541.397	6.309.685.393.524
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.688.212.359.504	1.685.494.354.842
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	14.731.365.464.567	13.248.226.816.493
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	89.444.501.596	87.125.866.733
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	67.338.860.225	65.593.261.265
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	73.457.010.088	73.852.025.199
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	27.989.680.391	55.790.241.320
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	156.119.724.974	196.199.073.599
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.530.817.037.415	4.413.366.437.868
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa – Vũng Tàu</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	476.792.124.525	515.387.797.301
			56.768.440.903.323	55.707.764.489.000
			61.144.551.940.799	60.338.397.479.219
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.473.408.154.411	5.426.787.609.848

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lãi suất năm thực tế trong kỳ của các khoản vay như sau:

- Các khoản vay USD từ 3,15% đến 6,56% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 2,01% đến 6,17%).
- Các khoản vay VND từ 8,98% đến 10,05% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 8,98% đến 10,03%).
- Các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 0,95% đến 2,75%).
- Các khoản vay CNY là 3,40% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: 3,40%).
- Các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.857 tỷ VND (1/10/2018: 1.887 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Tăng khác	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	14.542.592.000	-	-	-	499.211.736	-	-	-	-	15.041.803.736
Bán giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(3.327.218.134)	-	-	-	-	-	(74.444.898.826)	-	-	(77.772.116.960)
Phân loại lại	(94.925.424.397)	-	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	-	(3.508.088.045)	-	(121.540.842.227)
Trích đầu tư phát triển	-	-	3.680.845.235	-	(3.680.845.235)	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	96.035.138.793	-	(96.035.138.793)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(125.438.536.672)	-	(6.772.643.995)	(132.211.180.667)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	70.892.698.327	-	-	268.052.205.804	-	20.048.149.950	288.100.355.754
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70.892.698.327
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373

(*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp	-	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	489.260.687	-	(6.957.646.796)	-	-	(110.593.427.602)	-	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.279.815.276.947	-	-	-	-	-	1.279.815.276.947
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(873.538.049.688)	-	20.006.503.049	(853.531.546.639)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.565.678.370)	(22.565.678.370)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(1.098.488.973.504)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	-	336.443.315.443	10.092.645.884.687

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần/vốn góp trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	(94.925.424.397)
Tăng do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	-	14.542.592.000
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-
Số dư cuối kỳ	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng từ ngày 1 tháng 10 năm
2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Vốn cổ phần	31/12/2018 Số lượng cổ phần phổ thông	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ
 Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP

Thuyết minh	1/10/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND
3(b)(ii)	605.520.036.993	371.028.960.470	-	121.939.976.041	1.098.488.973.504
3(b)(iii)	371.028.960.470	(371.028.960.470)	(143.502.828.713)	143.502.828.713	-
3(b)(iv)	1.401.755.252.988	-	102.316.344.579	(1.504.071.597.567)	-
	2.378.304.250.451	-	(41.186.484.134)	(1.238.628.792.813)	1.098.488.973.504

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ
 Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP

Thuyết minh	1/1/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/9/2018 VND
3(b)(ii)	1.098.488.973.504	-	-	(492.968.936.511)	605.520.036.993
3(b)(iii)	1.350.707.975.274	-	(108.430.637.811)	(871.248.376.993)	371.028.960.470
3(b)(iv)	-	-	1.401.755.252.988	-	1.401.755.252.988
	2.449.196.948.778	-	1.293.324.615.177	(1.364.217.313.504)	2.378.304.250.451

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2018	1/10/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.497.494.087	11.366.097.978
Từ hai đến năm năm	74.866.060.886	45.430.549.049
Sau năm năm	280.468.865.098	286.932.636.646
	372.832.420.071	343.729.283.673

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.
- Tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.
- Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	28.223,67	653.373.165	28.343,47	660.123.168

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 1.553.121 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong năm 2019 (tại ngày 1/10/2018 là 886.571 triệu VND).

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	9.923.521.583.253	28.973.756.731.882
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	124.408.642.768	316.761.205.205
	<u>10.047.930.226.021</u>	<u>29.290.517.937.087</u>

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	8.692.535.637.363	25.308.564.945.465
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	117.317.604.774	286.631.400.047
	<u>8.809.853.242.137</u>	<u>25.595.196.345.512</u>

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
Lãi tiền gửi	58.811.476.275	121.037.180.986
Cổ tức được chia	10.211.978.000	3.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	3.291.547.851	16.309.795.486
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	11.469.999.222	21.603.081.324
	83.785.001.348	162.750.057.796

25. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí lãi vay	699.539.293.509	2.034.789.676.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	1.174.491.410	35.213.748.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.238.628.792.813	1.364.217.313.504
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	10.518.431.180	(26.431.382.520)
Chi phí tài chính khác	45.085.227	5.451.390
	1.949.906.094.139	3.407.794.806.802

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí nhân viên	43.643.304.237	172.735.963.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.906.261.176	42.142.876.450
Chi phí khác	75.606.680.803	134.483.702.587
	139.156.246.216	349.362.542.049

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.669.857.526.291	20.253.403.498.640
Chi phí nhân công	192.006.937.427	645.366.790.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.129.473.775.722	3.269.005.211.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.406.271.037	316.124.752.837
Chi phí sửa chữa lớn	501.048.517.551	756.240.732.235
Chi phí khác	313.248.145.046	704.519.760.448

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	38.539.224.092	17.118.748.352
Năm trước	105.538.577.040	-
	144.128.554.766	17.118.748.352
(Lợi ích)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(26.606.710.591)	13.879.964.174
	117.521.844.175	30.998.712.526

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(736.009.702.464)	319.099.068.280
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	(147.201.940.493)	63.819.813.656
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(7.439.341.662)	(45.016.552.583)
Chi phí không được khấu trừ thuế	98.346.663.186	7.591.372.306
Chi phí thuế TNDN năm trước	105.564.287.022	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	72.900.716.631	4.648.540.509
Sử dụng lỗ lũy kế	(4.648.540.509)	-
Ưu đãi thuế	-	(44.461.362)
	117.521.844.175	30.998.712.526

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2018		1/10/2018	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	364.503.583.155	72.900.716.631	23.242.702.545	4.648.540.509

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2023	Chưa quyết toán	364.503.583.155

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗ tính thuế.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.069.969.577 cổ phiếu (giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018: không áp dụng), chi tiết như sau:

(a) Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(873.538.049.688)	Không áp dụng

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	1.069.969.577	Không áp dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	31.262.775.465	93.593.294.327
Cung cấp dịch vụ	-	192.651.641.000
Vay trong năm	1.562.690.839.201	-
Thanh toán gốc, lãi và phí vay trong năm	2.968.463.360.784	3.609.367.205.129
Lãi vay	335.257.017.954	1.858.926.273.319
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Cổ tức được chia	-	63.016.948.000
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	28.575.000.000	24.765.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	-	37.800.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	9.923.521.583.253	28.973.756.731.882
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	649.766.000	216.048.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	712.692.956	9.388.082.831
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	2.075.253.137	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	966.843.461	12.316.846.292
Cung cấp dịch vụ	214.275.100	-

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 Mua dịch vụ	1.021.404.136	1.671.848.605
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua dịch vụ	79.410.845	74.247.332.268
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Lãi tiền gửi	5.797.890.410	17.056.937.596
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNNH - công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam Mua dịch vụ	1.352.417.791	2.338.790.165
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam Mua dịch vụ	1.463.663.543	519.552.489
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Cổ tức được chia	6.409.728.000	49.291.120.640
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại Cung cấp dịch vụ	1.011.326.364	-
Hội đồng quản trị (Bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập, thành viên chuyên trách) Thu nhập	73.773.000	428.161.000
Ban Tổng giám đốc Thu nhập	215.775.000	2.312.433.000
Cán bộ cấp quản lý khác Thu nhập	1.923.749.500	6.480.691.500

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	100.365.114.571	1.564.540.602.810
Bù trừ gốc vay, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.917.335.651.810	3.149.756.701.124
Bù trừ Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu công ty Mua bán điện	74.444.898.826	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển từ/sang hàng tồn kho	6.862.084.833	225.438.924.313
Bàn giao Công ty TNHH Nhiệt điện Thủ Đức	-	121.540.842.227
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	-	101.226.716.090
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Vốn cổ phần giữ lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-
Cổ tức được chia phải thu nhưng chưa thu được từ Công ty liên kết và Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.984.728.000	27.000.000.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	43.418.391.437	18.906.862.096

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của “Doanh thu hoạt động tài chính” và “Thu nhập khác” cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018 được phân loại lại theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ - “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp” và Công văn số 1931/BTC-TCDN ngày 19 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn vướng mắc thực hiện cơ chế tài chính tại Tập đoàn điện lực Việt Nam. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018		
	(theo báo cáo trước đây)	(phân loại lại)	(đã phân loại lại)
	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	212.041.178.436	49.291.120.640	162.750.057.796
Thu nhập khác	118.036.690.003	49.291.120.640	167.327.810.643

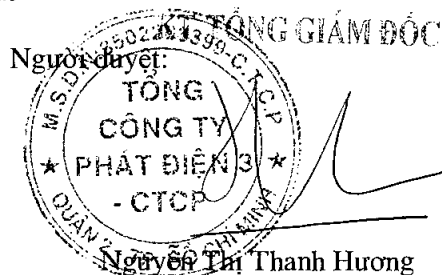
Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc